3

Zhuōzi shang fàngzhe hěn duō yǐnliào.

桌子上放着很多饮料。

Trên bàn có rất nhiều thức uống.

一、听力 Phần nghe 03

第一部分 Phần 1

第 1–5 题：听对话，选择与对话内容一致的图片

Câu hỏi 1-5: Nghe các mẩu đối thoại và chọn hình phù hợp với nội dung của từng mẩu đối thoại.

A

B

C

D

E

F

LIVEWORKSHEETS

例如：男：喂，请问张经理在吗？

女：他正在开会，您半个小时以后再打，好吗？ D

1. ☐

2. ☐

3. ☐

4. ☐

5. ☐

www.nhantriviet.com/GiaoTrinhChuanHSK

Scanned by Tiếng Trung Thầy Quốc Tư

第二部分 Phần 2

第 6–10 题：听句子，判断对错

Câu hỏi 6-10: Cho biết các câu sau có phù hợp với tình huống bạn nghe được hay không.

例如：为了让自己更健康，他每天都花一个小时去锻炼身体。

＊ 他希望自己很健康。 (√)

今天我想早点儿回家。看了看手表，才 5 点。过了一会儿再看表，还是 5 点，我这才发现我的手表不走了。

＊ 那块儿手表不是他的。 (×)

LIVEWORKSHEETS

6. ＊ 他不认识那个女孩儿。 (　　)

7. ＊ 这条裤子现在便宜得多。 (　　)

8. ＊ 运动时可以听歌。 (　　)

9. ＊ 他不知道鲜奶在哪儿。 (　　)

10. ＊ 她菜吃得很少。 (　　)

第三部分　Phần 3

第 11–15 题：听短对话，选择正确答案

Câu hỏi 11-15: Nghe đoạn đối thoại ngắn và chọn câu trả lời đúng.

例如：男：小王，帮我开一下门，好吗？谢谢！

女：没问题。您去超市了？买了这么多东西。

问：男的想让小王做什么？

A　开门 √　　B　拿东西　　C　去超市买东西

11. A　脚不舒服　　B　想看电视　　C　想玩儿游戏

12. A　不太甜　　B　要睡觉　　C　太冷了

13. A　买裤子　　B　洗衬衫　　C　拿裤子

14. A　找他去上课　　B　不小心打错了　　C　上午有事

15. A　男的的　　B　女的的　　C　小丽的

www.nhantriviet.com/GiaoTrinhChuanHSK

Scanned by Tiếng Trung Thầy Quốc Tư

LIVEWORKSHEETS

Scanned by Tiếng Trung Thầy Quốc Tư

第四部分 Phần 4

第 16–20 题：听长对话，选择正确答案

Câu hỏi 16-20: Nghe đoạn đối thoại dài và chọn câu trả lời đúng.

例如：女：晚饭做好了，准备吃饭了。

男：等一会儿，比赛还有三分钟就结束了。

女：快点儿吧，一起吃，菜冷了就不好吃了。

男：你先吃，我马上就看完了。

问：男的在做什么？

A 洗澡　　B 吃饭　　C 看电视 √

16. A 衬衫　　B 裤子　　C 饮料

17. A 有问题问他　　B 找手机　　C 她很着急

18. A 绿茶　　B 水果　　C 饮料

19. A 不想去上学　　B 觉得累　　C 不舒服

20. A 牛肉不新鲜　　B 没有牛肉了　　C 要吃米饭

QT Education

LIVEWORKSHEETS